

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày 24/9/2025
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Vi Tình.

Ông Trần Xuân Tình.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 26/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Văn H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2025 bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 19/9/2020 ông Võ Văn H1 có đến nhà bà H vay số tiền 50.000.000đồng và có viết giấy mượn tiền, hẹn cuối năm đến mùa mía sẽ trả đủ cả gốc và lãi suất thỏa thuận 2%. Tuy nhiên từ đó đến nay ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù bà H đã nhiều lần gọi điện và đến nhà nhưng ông H1 cố tình trốn tránh. Vì vậy bà H đề nghị Tòa án buộc ông H1 phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 50.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất vay Ngân hàng là 1,2%, là 600.000đồng x 51 tháng = 30.600.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 80.600.000đồng và lãi suất phát sinh đến khi xét xử vụ án.

Ngày 16/9/2025 bà H có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi với số tiền là 30.600.00đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có bản tự khai.

Tại phiên tòa ông H1 trình bày: Vào năm 2020 ông H1 có vay bà H số tiền là 50.000.000đồng, nhưng vì điều kiện khó khăn nên ông H1 chưa trả nợ cho bà H được. Mong bà H tạo điều kiện cho ông H1 khoảng 07 tháng sau ông H1 sẽ trả đủ số tiền trên cho bà H.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H; 01 giấy vay tiền bản gốc; 01 bản tự khai ngày 13/3/2025

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, xác minh: 01 biên bản xác minh ngày 26/8/2025.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau, nhưng bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không hòa giải được. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Võ Văn H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H buộc ông Võ Văn H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền lãi là 30.600.000đồng (ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí.

Buộc ông Võ Văn H1 phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

[2] Xét về nội dung vụ án:

Qua lời khai của bà H tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 19/9/2020 bà H cho ông Võ Văn H1 vay số tiền 50.000.000đồng có viết giấy mượn tiền, hạn cuối năm 2020 sẽ trả đủ cả gốc và lãi suất thỏa thuận 2%.

Tuy nhiên từ đó đến nay ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Vì vậy bà H đề nghị Tòa án buộc ông H1 phải trả cho bà H toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng. Xét về giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản, hình thức giao dịch giữa các bên được thể hiện bằng văn bản, có ghi sự thỏa thuận của các bên về số tiền, lãi suất và thời hạn trả nợ, sự thỏa thuận giữa các bên không trái quy định pháp luật nên được xem là giao dịch hợp pháp theo quy định tại Điều 463, của Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản tiền lãi, ngày 16/9/2025 và tại phiên tòa bà H có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi với số tiền là 30.600.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với khoản tiền lãi trên đã hết thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, việc bà H rút yêu cầu tính lãi hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà H đề nghị Tòa án buộc ông H1 phải trả số tiền gốc là 50.000.000đồng. Bà H cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay tiền đề ngày 19/9/2020 để chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của bà H bị xâm phạm. Hai bên thỏa thuận cuối năm ông H1 trả toàn bộ gốc và lãi chỉ bà H nhưng nên hiện nay ông H1 không trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa ông H1 công nhận có nợ bà H số tiền 50.000.000đồng và đồng ý trả cho bà H số tiền trên.

Từ những nhận định trên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử buộc ông Võ Văn H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 50.000.000đồng.

[3] Xét yêu cầu của bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện nên được Tòa án chấp nhận. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông Võ Văn H1 phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Võ Văn H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng)

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H buộc ông Võ Văn H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền lãi là 30.600.000đồng (ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí là 2.040.000đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003191 ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

Buộc ông Võ Văn H1 phải có nghĩa vụ nộp 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 24/9/2025, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13;
- Phòng THADS khu vực 13;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Bình